

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2026/HC-PT
Ngày 06 tháng 4 năm 2026
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính về
việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố
Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Quốc H - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 31 tháng 3 và 06 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 171/2026/TLPT-HC ngày 26 tháng 01 năm 2026 về: “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 615/2026/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đinh Thị Tố Q, sinh năm 1955; địa chỉ cư trú: Khu phố A - D, Đặc khu P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp S, Đặc khu P, tỉnh An Giang; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang; địa chỉ: Số D, Đường C - D, Đặc khu P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Quốc T1, chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng N4; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Phương N1, sinh năm 1956; bà Đinh Thị Thanh H1, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1966; bà Ngô Kim H3, sinh năm 1969; ông Ngô Văn D, sinh năm 1971; bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1964; cùng địa chỉ cư trú: Hẻm Đ, Tổ I, Khu phố A - D, Đặc khu P, tỉnh An Giang; cùng vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà Ngô Thị Phương N1, Đinh Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Ngô Kim H3, Ngô Văn D và Nguyễn Thị N2: Bà Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990; có mặt.

2. Bà Hồ Tuyết P, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Số G đường C Khu phố A - D, Đặc khu P, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã M, tỉnh Đồng Tháp và ông Ngô Hoàng V, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Ấp S, Đặc khu P, tỉnh An Giang; cùng có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Hồ Tuyết P là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện là bà Đinh Thị Tố Q trình bày: Bà Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Ngô Thị Phương N1, Đinh Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Hồng H2, Ngô Kim H3, Ngô Văn D, Nguyễn Thị N2 sử dụng chung con hẻm có chiều rộng 03 mét nằm trên Đường C, Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Con hẻm được hình thành từ đất của mẹ bà Q là cụ Đinh Thị T2 sử dụng làm con đường chung từ năm 1984, quá trình sử dụng con đường chung này ổn định, không có ai tranh chấp. Gia đình bà Hồ Tuyết P có đất nằm tiếp giáp với con hẻm. Năm 2016, bà P làm trụ rào và mái che lấn chiếm con hẻm sử dụng riêng nên bà Q và những hộ dân khác đã liên tục phản đối nhưng sau đó phát hiện con hẻm đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng cho bà P, vì vậy bà Q và những hộ dân khiếu nại. Trong cùng ngày 04/8/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Thông báo số 600/TB-UBND bác đơn khiếu nại của bà Q và Thông báo số 597/TB-UBND về việc thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết kiến nghị, phản ánh của công dân đề đình chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P có cả phần đất con hẻm. Cho rằng các thông báo trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P cũng như quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P không đúng quy định pháp luật nên bà Đinh Thị T3 Quyên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 600/TB-UBND và Thông báo số 597/TB-UBND cùng ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 397519 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho bà Hồ Tuyết P ngày 20/12/2005.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang trình bày:

Diện tích đất 121,1m² đất có nguồn gốc của mẹ bà Hồ Tuyết P là cụ Huỳnh Kim H4 (chết năm 2000) sử dụng từ năm 1959. Ngày 30/4/2002, gia đình bà P lập Biên bản họp gia đình về việc ủy quyền thừa kế nhà đất của cụ H4 để lại. Ngày 10/5/2002, bà P nộp Đơn xin hợp thức hoá chủ quyền nhà và Đơn đăng ký nhà ở đất ở thể hiện thửa đất đăng ký tiếp giáp với đất của bà Đào Hoa L1 mà không có con hẻm. Ngày 28/5/2002, Ủy ban nhân dân thị trấn D đo đạc sơ đồ khái lược ranh nhà đất của bà P. Tại Biên bản xác định ranh giới sử dụng nhà đất thể hiện thửa đất của bà P giáp hẻm có chiều rộng là 01m nằm giữa đất bà Đào Hoa L1 (nay là khách sạn T4) và bà Hồ Tuyết P. Tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 20/5/2002; Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng nhà đất ngày 28/5/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn D cùng thể hiện các chủ sử dụng đất liền kề gồm ông bà Ngô Thành M, Đào Hoa L1 không có ý kiến về ranh giới đất cũng như chiều rộng con hẻm 01m trên sơ đồ khái lược vị trí nhà đất của bà P. Ngày 22/8/2004, bà Đào Hoa L1 lập giấy viết tay mượn 2m đất của bà P để mở rộng đường cho xe đi vào khách sạn.

Ngày 30/3/2005, Hội đồng Đăng ký đất đai thị trấn D lập Biên bản số 04/BB-XDHD xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai, trong đó có hộ bà P, thống nhất xác nhận nguồn gốc đất, tình trạng sử dụng đất không có tranh chấp. Tại Thông báo số 08/TB-UB ngày 30/3/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn D lập hồ sơ hợp thức hóa quyền sử dụng đất trong đó có hộ gia đình bà P sử dụng diện tích 122,1m² (nay là diện tích 121,1m²). Ngày 15/4/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn D lập Biên bản kết thúc công khai kết quả xét duyệt đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, kèm theo Danh sách công khai số 04/DSTB-UB các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thị trấn D. Ngày 20/12/2005, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 397519 cho bà Hồ Tuyết P với diện tích 121,1m² đất. Gia đình bà P sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho bà P là đúng trình tự, thủ tục theo Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và các điểm a, b khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Tuyết P trình bày:* Diện tích đất bao gồm con đường mà gia đình bà P đang sử dụng có nguồn gốc do mẹ của bà P là cụ Huỳnh Kim H4 sử dụng từ năm 1959; đến năm 1962 được chính quyền phân lô cất nhà lá ở tạm, bên cạnh là con hẻm có chiều rộng 01m; năm 1967 cụ H4 làm ranh cột sắt rào kẽm gai bao quanh và cất lại căn nhà ở ổn định đến nay. Năm 2004, bà Đào Hoa L1 xây dựng khách sạn B có mượn 02m đất của gia đình bà P bên trong hàng rào để làm đường cho xe ô tô vào khách sạn; đến cuối năm 2005, bà L1 chuyển nhượng khách sạn; đơn vị nhận tiếp quản khách sạn tiếp tục sử dụng đất làm đường cho xe ra vào. Theo Biên bản xác định ranh giới sử dụng nhà ngày 22/5/2002 có chữ ký của bà Đào Hoa L1 và ông Ngô Thành M đều thể hiện con hẻm rộng 01m; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Thành M cũng thể hiện con hẻm nhỏ cấp bên hông nhà bà P. Còn đối với đất của cụ Đinh Thị T2 để lại là phần diện tích đất nằm phía sau nhà của bà Đào Hoa L1, giáp mặt tiền đường L, có hẻm bên hông nhà rộng 1,5m đối diện với đất của ông Ngô Thành M; đất của bà Q không giáp đối diện với đất của bà P. Bà Q khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P là không có căn cứ, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định (tóm tắt):

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tố Q.

Hủy Thông báo số 600/TB-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh K; hủy Thông báo số 597/TB-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P;

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang có số AB 397519, sổ vào sổ H 00195 cấp ngày 20/12/2005 đứng tên bà Hồ Tuyết P, địa chỉ thửa đất tại Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Khu phố A - D, đặc khu P, tỉnh An Giang) liên quan đến diện tích đất 19,6m² là hẻm đi chung của các hộ dân để điều chỉnh cho đúng với diện tích đất thực tế của bà Hồ Tuyết P sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, bà Hồ Tuyết P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Tuyết P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Tuyết P trình bày ý kiến: Diện tích đất 121,1m² đất có nguồn gốc do cụ Huỳnh Kim H4 sử dụng từ năm 1959 để lại. Năm 2000 cụ H4 chết. Ngày 30/4/2002, gia đình bà P lập Biên bản họp gia đình về việc ủy quyền thừa kế nhà đất của cụ H4 để lại. Ngày 10/5/2002, bà P nộp Đơn xin hợp thức hoá chủ quyền nhà và Đơn đăng ký nhà ở đất ở, trong đó thể hiện thửa đất đăng ký tiếp giáp với đất của bà Đào Hoa L1 nhưng không có con hẻm. Ngày 28/5/2002, Ủy ban nhân dân thị trấn D đo đạc sơ đồ khái lược ranh nhà đất của bà P. Tại Biên bản xác định ranh giới sử dụng nhà đất thể hiện thửa đất của bà P giáp hẻm có chiều rộng là 01m nằm giữa đất bà Đào Hoa L1 (nay là khách sạn T4) và bà Hồ Tuyết P. Ngày 20/12/2005, Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 397519 cho bà Hồ Tuyết P với diện tích 121,1m² đất là đúng với thực tế sử dụng đất ổn định của bà P từ trước đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà P là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Tố Q trình bày ý kiến: Diện tích đất là con hẻm nêu trên có nguồn gốc của cụ Đinh Thị T2 tạo lập sau đó sử dụng làm con đường chung ổn định từ năm 1984 và không tranh chấp. Gia đình bà P có đất nằm tiếp giáp với con hẻm; năm 2016, bà P làm trụ rào và mái che lấn chiếm con hẻm sử dụng riêng nên bà Q và những hộ dân khác đã liên tục phản đối nhưng sau đó phát hiện con hẻm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà P. Việc cấp giấy chứng nhận cho bà P bao gồm cả con hẻm lâu đời là lỗi đi chung là không đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N3 bị kiện trình bày quan điểm: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P đã được Ủy ban nhân dân thành phố P trước đây thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 và các điểm a, b khoản 2 Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Theo bản đồ địa giới hành chính, thửa đất của bà P có diện tích là 101,5m² nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P lại được cấp diện tích 121,1m². Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2024 và Tờ trích đo số 245 ngày 15/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ thể hiện diện tích đất bà P sử dụng là 101,4m² không tranh chấp; phần diện tích 19,6m² đất tiếp giáp được bà P sử dụng làm mái che tạm là lối đi chung của các hộ dân phía trong. Diện tích đất này có nguồn gốc của cụ Đình Thị T2 (là mẹ của bà Q) sử dụng làm lối đi chung từ năm 1984. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 19,6m² đất là lối đi chung nên việc Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này cho bà P là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Hồ Tuyết P nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà Hồ Tuyết P như sau:

[4.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Đất của bà P có nguồn gốc do cụ Huỳnh Kim H4 sử dụng từ năm 1959, sau khi cụ H4 chết năm 2000 thì bà P tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà P và người đại diện theo ủy quyền của bà P thừa nhận con đường trên được sử dụng làm lối đi chung từ năm 1959 cho đến nay. Trên thực tế sau khi cụ H4 chết, ngày 10/5/2002 bà P làm Đơn xin hợp thức hóa chủ quyền nhà ở và đất ở với tổng diện tích đất là 122,1m², trong đó nhà ở có diện tích 67,76m². Ngày 28/5/2002, Ủy ban nhân dân thị trấn D đo đạc sơ đồ và lập biên bản xác định ranh giới sử dụng nhà đất thể hiện con hẻm nằm ở vị trí giữa đất của bà Đào Hoa L1 và đất của bà P. Mặc dù tại Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng nhà đất ngày 28/5/2002, ông Ngô Thành M và bà Đào Hoa L1 có ký tên thể hiện chiều rộng con hẻm là 01m nhưng Bản trích đo lại không thể hiện con hẻm này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà P và người đại diện theo ủy quyền đều thừa nhận con hẻm đã tồn tại từ năm

1959 nên có căn cứ xác định đây là lối đi chung của các hộ dân mà không thuộc quyền sử dụng của cá nhân nào.

[4.2] Theo bản đồ địa giới hành chính, thửa đất của bà P có diện tích 101,5m² nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P lại được cấp diện tích đất là 121,1m². Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/4/2024 và Tờ trích đo số 245 ngày 15/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ thì bà P sử dụng diện tích 101,4m² đất, không có tranh chấp; phần diện tích 19,6m² đất tiếp giáp được bà P sử dụng làm mái che tạm là lối đi chung của các hộ dân phía trong. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích đất thực tế bà P sử dụng không phù hợp với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/12/2005.

[4.3] Tại Biên bản xác định ranh giới sử dụng nhà đất và sơ đồ vị trí khu đất được lập ngày 10/01/1997 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Thành M, là hộ sử dụng đất liền kề với đất của bà P, cũng thể hiện sự tồn tại của con hẻm có chiều rộng 03m và được chính mẹ của bà P là cụ Huỳnh Kim H4 cũng như chính quyền địa phương xác nhận. Như vậy, sự tồn tại của con hẻm có chiều rộng 03m là phù hợp với thực tế hiện nay.

[4.4] Từ những chứng cứ trên cho thấy, việc Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 397519 ngày 20/12/2005 cho bà Hồ Tuyết P với tổng diện tích 121,1m² đất, trong đó có diện tích 19,6m² là đất thuộc con hẻm lối đi chung của các hộ dân phía trong, là không đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 và các điều 135, 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Do đó, cần thiết phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P để trả lại lối đi chung cho các hộ liền kề là phù hợp.

[4.5] Đối với Thông báo số 597/TB-UBND ngày 04/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P: Sau khi phát hiện con hẻm là lối đi chung đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P, bà Q và nhiều hộ dân đã khiếu nại. Tuy nhiên, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P khi ban hành Thông báo số 597/TB-UBND ngày 04/8/2023 chưa đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 28, 30, 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; đồng thời, nội dung giải quyết khiếu nại không phù hợp với nhận định tại tiểu mục [4.4] nêu trên nên cần thiết phải hủy.

[4.6] Đối với Thông báo số 600/TB-UBND ngày 04/8/2023 có nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà P, tuy nhiên cần phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P nên cũng cần thiết phải hủy thông báo này để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được triệt để.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc khởi kiện của bà Đinh Thị Tố Q được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà P

không xuất trình được chứng cứ pháp lý nào mới có giá trị làm thay đổi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

[6] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Tuyết P phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Tuyết P; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Áp dụng: Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ; Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Tố Q.

1.1. Hủy Thông báo số 600/TB-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về kết quả kiểm tra nội dung phản ánh của bà Đinh Thị Tố Q, địa chỉ Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

1.2. Hủy Thông báo số 597/TB-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 về thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc giải quyết kiến nghị, phản ánh của công dân.

1.3. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang có số AB 397519, số vào sổ H 00195 cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005 đứng tên bà Hồ Tuyết P, địa chỉ thửa đất tại Khu phố A, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là Khu phố A - D, Đặc khu P, tỉnh An Giang) liên quan đến diện tích đất 19,6m² là hẻm đi chung của các hộ dân để

điều chỉnh cho đúng với diện tích đất thực tế của bà Hồ Tuyết P sử dụng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang phải chịu 300.000 đồng. Bà Đinh Thị Tố Q không phải chịu.

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hồ Tuyết P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng theo Biên lai thu số 0001423 ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

- Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2025/HC-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT & KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA - NTCL

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường